

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **10/2022/HS-ST**

Ngày 20-5-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Sơn và ông Trần Văn Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021; thông báo hoãn phiên tòa số: 06/2022/TB-TA ngày 25/4/2022 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo Đinh Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Hữu và bà Nguyễn Thị Thắm; vợ tên Trần Thị Phụng và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/8/2021 bị cáo Đinh Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My truy tố về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm b, khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự (Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 22/8/2021).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo Trần Ngọc S, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1994 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Kiều và bà Phạm Thị Mai; vợ tên Đinh Thị Thọ và 01 con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

3/ Bị cáo Hồ Văn D, sinh năm 1998 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 01, xã Trà Don, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Nậy và bà Hồ Thị Lý; vợ tên Hồ Thị Phiến và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt tại phiên tòa.

4/ Bị cáo Hồ Quốc P, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1996 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Xuân Đậm và bà Nguyễn Thị Kim Thành; vợ tên Phạm Thị Xuyên và 01 con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Linh D, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My;

Người đại diện hợp pháp có ông Hồ Tất T; chức vụ: Phó giám đốc BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1980. (Vắng mặt, không có lý do).

Trú quán: thôn 4, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8, 9 năm 2019 (không rõ ngày) các bị cáo Đinh Văn T, Trần Ngọc S, Hồ Văn D vào khu vực rừng (thường gọi rừng Đông Trường Sơn) thuộc xã TG, huyện Bắc Trà My để đặt bẫy thú. Lúc đi đặt bẫy thì phát hiện trong khu vực này có một cây gỗ Xoan Đào nên nảy sinh ý định cưa hạ, khai thác cây này lấy gỗ về để gia công các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Do ba người sẽ khó khăn cho việc cưa xẻ cây gỗ nên đã rủ bị cáo Hồ Quốc P đi cùng để khai thác. Bị cáo P đồng ý. Tiền công của bị cáo P là 200.000 đồng/ngày do bị cáo Đinh Văn T trả. Thực tế bị cáo Đinh Văn T đã trả công cho bị cáo Hồ Quốc P số tiền 400.000 đồng. Do không có cưa để hạ cây nên các bị cáo mượn máy cưa của anh Hồ Thanh H và chuẩn bị các vật dụng, nhu yếu phẩm cần thiết xong thì sáng mai đi lên khai thác cây gỗ.

Khi đi đến đoạn đường gần lối đi vào rừng, các bị cáo cất xe vào bên đường, rồi cùng đi bộ khoảng 01 tiếng đồng hồ thì đến vị trí gốc cây Xoan Đào. Bị cáo T và bị cáo D chuẩn bị máy cưa, gắn lam, xích và đổ xăng nhớt vào máy. Còn bị cáo P và bị cáo S thì lấy rựa phát cây bụi xung quanh cây Xoan Đào. Sau khi phát dọn xong, bị cáo T và bị cáo D thay phiên nhau cưa hạ cây, bị cáo S và bị cáo P không

biết dùng máy cưa nên ngồi xem. Bị cáo T và bị cáo D cưa cây ngã thì bị cáo S và bị cáo P dùng rựa phát dọn dọc hai bên cây. Sau đó, bị cáo T và bị cáo D cưa cây ra thành nhiều đoạn, rồi chia cây gỗ ra làm 04 phần, trong đó bị cáo T nhận 02 phần, bị cáo S và bị cáo D mỗi người 01 phần, còn phần của bị cáo P thì bị cáo T lấy (vì bị cáo T trả công cho bị cáo P). Số gỗ còn lại của cây (gốc cây, bìa cây...) bị bọng hoặc giá trị thấp thì các bị cáo bỏ lại trên rừng, tại địa điểm cây gỗ bị hạ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/10/2019 xác định tại khu vực rừng tự nhiên thuộc Khoảnh 2 và Khoảnh 3, Tiểu khu 822 thuộc thôn 01 (nay là thôn 4), TG, Bắc Trà My do BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My quản lý có 08 cây gỗ bị cưa hạ, trong đó có 02 cây gỗ Xoan đào (nhóm VI), 01 cây gỗ Xoan Mộc (nhóm VI), 01 cây gỗ Bui (nhóm VII) và 04 cây gỗ Chò (nhóm VI). Cơ quan tiến hành tố tụng xác định các bị cáo T, Sinh, D, P khai thác 01 cây Xoan đào tại vị trí số 02, trong số 08 cây bị cưa hạ trên. Ngày 20 tháng 5 năm 2020, cơ quan chức năng lập biên bản xác định vị trí, tọa độ của cây Xoan đào mà các bị cáo đã khai khác, cụ thể: tọa độ (X: 546493; Y: 1681380); vị trí cây thuộc khoảnh 2, khoảnh 3 tiểu khu 822 thuộc thôn 4, TG, Bắc Trà My; loại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

Tại bản kết luận định giá số: 14/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị của cây gỗ Xoan đào này như sau: Cây gỗ Xoan Đào bị cưa hạ với khối lượng 10,158 m³, tương ứng với số tiền thiệt hại là 60.948.000 (*sáu mươi triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng*). Số gỗ còn tại hiện trường có khối lượng là 5,674 m³, trị giá là 34.044.000 (*ba mươi bốn triệu, không trăm bốn bốn ngàn đồng*). Tại bảng kê xác định lại giá trị lâm sản tịch thu ngày 05/11/2021 của Hội đồng định giá trong TTHS huyện Bắc Trà My xác định khối lượng gỗ bị thiệt hại (sau khi trừ hư, bọng) thì khối lượng gỗ của cây Xoan đào bị khai thác trái phép là 9,556 m³, giá trị thiệt hại là 57.336.000 đồng.

Cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Đinh Văn T, Trần Ngọc S, Hồ Văn D và Hồ Quốc P về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Đinh Văn T, Trần Ngọc S, Hồ Văn D và Hồ Quốc P phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Quốc P từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Về dân sự: Đề nghị công nhận sự thoả thuận giữa các bị cáo và nguyên đơn dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản cho nguyên đơn dân sự số tiền còn lại sau khi trừ số gỗ còn lại tại hiện trường, tương đương với số tiền 57.336.000 đồng - 34.044.000 đồng = 23.292.000 đồng. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 5.823.000 đồng.

Tại phiên toà bị cáo Đinh Văn T thống nhất bồi thường thiệt hại đối với số tiền 5.823.000 đồng, đồng thời bồi thường phần lớn số tiền thiệt hại của bị cáo Hồ Quốc P, cụ thể bị cáo T thống nhất bồi thường thay cho bị cáo P số tiền 4.823.000 đồng. Bị cáo T đề nghị bị cáo Hồ Quốc P liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 1.000.000 đồng. Vì thực tế bị cáo Hồ Quốc P đi làm thuê cho bị cáo T, mặt khác số gỗ được chia cho bị cáo P bị cáo T lấy và đem về nhà sử dụng trong gia đình. Bị cáo Hồ Quốc P và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự thống nhất với ý kiến của bị cáo Đinh Văn T.

Như vậy, về dân sự bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 10.646.000 đồng (5.823.000 đồng + 4.823.000 đồng), bị cáo T đã bồi thường được 1.000.000 đồng nên số tiền còn lại bị cáo T phải tiếp tục bồi thường là 9.646.000 đồng. Bị cáo Trần Ngọc S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 5.823.000 đồng, bị cáo S đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng nên bị cáo S phải tiếp tục bồi thường là 4.823.000 đồng. Bị cáo Hồ Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 5.823.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng nên bị cáo D phải tiếp tục bồi thường là 4.823.000 đồng. Bị cáo Hồ Quốc P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo P đã bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng nên bị cáo P không phải tiếp tục bồi thường.

- Về vật chứng của vụ án, gồm:

+ 02 cây rựa: 01 con rựa (chiều dài: 51 cm, phần lưỡi dài 22 cm, phần cán bằng gỗ dài 29 cm) và 01 con rựa (chiều dài: 45,5 cm, phần lưỡi dài 25 cm, phần cán bằng gỗ dài 20,5 cm) để phát cây nhỏ xung quanh cây Xoan Đào bị cưa hạ. Đây là công cụ liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với gỗ còn lại tại hiện trường: 5,674m³ đã giao cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My quản lý.

+ Đối với máy cưa lóc các bị cáo sử dụng để cưa cây. Các bị cáo mượn cưa lóc này của ông Hồ Thanh H, ông H không biết các bị cáo mượn cưa để xẻ gỗ trái phép, Cơ quan điều tra không thu giữ cây cưa này nên không đề cập đến.

+ Truy thu số tiền 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Hồ Quốc P.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d

khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đồng thời người bào chữa cho các bị cáo đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo, do các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Về thiệt hại môi trường do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không định giá được nên đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận cây Xoan đào thuộc khoảnh 2, khoảnh 3, Tiểu khu 822 tại thôn 1 (nay là thôn 04), xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; có tọa độ: X: 546493; Y: 1681380; khối lượng gỗ 9,556 m³ (sau khi đã trừ bông, hỏng), loại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên là do các bị cáo Đinh Văn T, Trần Ngọc S, Hồ Văn D và Hồ Quốc P khai thác để về làm vật dụng trong nhà. Cụ thể, khoảng tháng 8, 9 năm 2019 khi đi bẫy thú trong rừng thì các bị cáo T, Sinh, D phát hiện có 01 cây Xoan đào nên đã trao đổi và rủ thêm bị cáo Hồ Quốc P (bị cáo P được bị cáo T thuê và trả công làm gỗ mỗi ngày 200.000 đồng, bị cáo P đã được bị cáo Đinh Văn T trả tiền công khai thác gỗ với số tiền 400.000 đồng) để đi cưa hạ cây gỗ này. Khi hạ xong, các bị cáo chia cây gỗ ra làm 04 phần, bị cáo S và bị cáo D mỗi người một phần, bị cáo T lấy 02 phần (trong đó có phần của bị cáo P). Số gỗ bị hư hoặc ít giá trị các bị cáo bỏ lại tại hiện trường khai thác.

Tại bảng kê xác định lại giá trị lâm sản tịch thu ngày 05/11/2021 của Hội đồng định giá trong TTHS huyện Bắc Trà My xác định khối lượng gỗ bị thiệt hại (sau khi trừ hư, bông) thì khối lượng gỗ của cây Xoan đào là 9,556 m³, giá trị thiệt hại là 57.336.000 đồng.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo thấy phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, phù hợp với bản kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập. Như vậy, bản cáo trạng số: 28/CT-VKS, ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Đinh Văn T, Trần Ngọc S, Hồ Quốc P, Hồ Văn D phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Rừng là tài nguyên quốc gia, có ý nghĩa quan trọng đến môi trường sống của con người. Do đó, việc khai thác trái phép rừng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống của con người, đây là hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo nhận thức rõ việc khai thác trái phép rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức án nghiêm minh để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Bị cáo T giữ vai trò tích cực nhất. Bị cáo T cùng với bị cáo S, bị cáo D là người phát hiện ra cây gỗ. Bị cáo T cũng là người trực tiếp cưa hạ, cưa xẻ cây Xoan đào, là người trả công cho bị cáo P. Mặt khác, bị cáo T có nhân thân: ngày 22/8/2021 bị cáo Đinh Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My truy tố về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự (Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 22/8/2021). Do đó, đối với bị cáo T phải xử mức án nặng hơn các bị cáo khác là phù hợp. Bị cáo S, bị cáo D cũng là người phát hiện ra cây gỗ, là người trực tiếp cưa xẻ, phụ giúp cưa xẻ cây gỗ nên bị cáo S và bị cáo D chịu mức án ngang nhau. Bị cáo Hồ Quốc P là người được bị cáo T thuê đi làm theo ngày. Bị cáo biết rõ cây Xoan đào không được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác nhưng vẫn giúp các bị cáo khai thác. Do đó, bị cáo P cũng phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với các bị cáo khác trong vụ án và mức hình phạt bị cáo P phải chịu nhẹ hơn ba bị cáo trên là phù hợp. Nguyên nhân các bị cáo khai thác cây gỗ Xoan đào là vì hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn, thuộc vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của huyện miền núi nên không có điều kiện để mua sắm các vật dụng trong gia đình. Vì vậy, hành vi của các bị cáo gây ra mặc dù nguy hiểm cho xã hội nhưng cần xác định rõ động cơ, mục đích của việc phạm tội khi quyết định hình phạt cho thỏa đáng.

[3] Các bị cáo không có tiền tiết kiệm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự hối hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn là người đồng bào ở vùng sâu vùng xa, gia đình, các bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Đinh Văn T có nhân thân không tốt, có vai trò tích cực nhất trong vụ án, các bị cáo Trần Ngọc S, bị cáo Hồ Văn D tham gia tích cực vào việc tìm cây, cưa hạ và xẻ cây. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo này mức án nghiêm minh, cách ly các bị cáo này ra ngoài xã hội để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Đối với bị cáo Hồ Quốc P có vai trò thứ yếu, là người làm thuê cho bị cáo T, có nhiều tiền tiết kiệm, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo P mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình cũng đủ giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: Theo quy định của pháp luật thì thiệt hại về rừng do hành vi vi phạm gây ra bao gồm giá trị thiệt hại về lâm sản và giá trị thiệt hại về môi trường của rừng bị thiệt hại.

Đối với thiệt hại về lâm sản: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và các bị cáo tự nguyện thỏa thuận, các bị cáo liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, sau khi trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường. Cụ thể: 57.336.000 đồng (tổng thiệt hại của cây gỗ) - 34.044.000 đồng (giá trị gỗ còn lại tại hiện trường) = 23.292.000 đồng. Các bị cáo thống nhất như yêu cầu của đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, thống nhất liên đới bồi thường số tiền 23.292.000 đồng. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 5.823.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn T thống nhất bồi thường thiệt hại đối với số tiền 5.823.000 đồng, đồng thời bồi thường phần lớn số tiền thiệt hại của bị cáo Hồ Quốc P, cụ thể bị cáo T thống nhất bồi thường thay cho bị cáo P số tiền 4.823.000 đồng. Bị cáo T đề nghị bị cáo Hồ Quốc P liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo Hồ Quốc P và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự thống nhất với ý kiến của bị cáo Đinh Văn T.

Như vậy, về thiệt hại lâm sản bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 10.646.000 đồng (5.823.000 đồng + 4.823.000 đồng), bị cáo T đã bồi thường được 1.000.000 đồng nên số tiền còn lại bị cáo T phải tiếp tục bồi thường là 9.646.000 đồng. Bị cáo Trần Ngọc S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 5.823.000 đồng, bị cáo S đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng nên bị cáo S phải tiếp tục bồi thường là 4.823.000 đồng. Bị cáo Hồ Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 5.823.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng nên bị cáo D phải tiếp tục bồi thường là 4.823.000 đồng. Bị cáo Hồ Quốc P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo P đã bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng nên bị cáo P không phải tiếp tục bồi thường.

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng việc tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo với đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường rừng: Đối với thiệt hại về môi trường rừng do Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị thiệt hại, hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn về xác định thiệt hại về môi trường rừng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có cơ sở để buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm về thiệt hại về môi trường rừng.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ 01 con rựa (chiều dài: 51 cm, phần lưỡi dài 22 cm, phần cán bằng gỗ dài 29 cm) và 01 con rựa (chiều dài: 45,5 cm, phần lưỡi dài 25 cm, phần cán bằng gỗ dài 20,5 cm). Đây là công cụ trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với gỗ còn lại tại hiện trường: 5,674m³ giao cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Truy thu số tiền 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo P.

[6] Về án phí: Các bị cáo là người đồng bào, sinh sống tại khu vực đặc biệt khó khăn nên chấp nhận ý kiến của người bào chữa về án phí, chấp nhận miễn tiền toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[7] Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Đinh Văn T, Trần Ngọc S, Hồ Văn D phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn D 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Hồ Quốc P phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt bị cáo Hồ Quốc P 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/5/2022).

Giao bị cáo Hồ Quốc P cho Ủy ban nhân dân xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Đinh Văn T, bị cáo Trần Ngọc S, bị cáo Hồ Văn D, bị cáo Hồ Quốc P có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (chủ rừng) số tiền 23.292.000 đồng, trong đó số tiền các bị cáo phải bồi thường như sau:

Bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 10.646.000 đồng (5.823.000 đồng -phần thiệt hại của bị cáo T + 4.823.000 đồng -bị cáo T bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo P), bị cáo T đã bồi thường được 1.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 007548 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam) nên số tiền còn lại bị cáo T phải tiếp tục bồi thường là 9.646.000 đồng (*chín triệu, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn*) đồng.

Bị cáo Trần Ngọc S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 5.823.000 đồng, bị cáo S đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 007548 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam) nên bị cáo S phải tiếp tục bồi thường là 4.823.000 đồng (*bốn triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn*) đồng.

Bị cáo Hồ Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 5.823.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 007548 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam) nên bị cáo D phải tiếp tục bồi thường là 4.823.000 đồng(*bốn triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn*) đồng.

Bị cáo Hồ Quốc P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo P đã bồi thường thiệt hại được 1.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 007548 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam) nên bị cáo P không phải tiếp tục bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(*Biên lai thu tiền số 007548 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam có tổng số tiền là 4.000.000 đồng, trong đó 04 bị cáo mỗi bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả 1.000.000 đồng, 04 bị cáo nộp tổng số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền khắc phục hậu quả này các bị cáo nộp tại cơ quan Điều tra Công an huyện Bắc Trà My (SBL: 186-188), ngày 28/12/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng này đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My*).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 con rựa (chiều dài: 51 cm, phần lưỡi dài 22 cm, phần cán bằng gỗ dài 29 cm) và 01 con rựa (chiều dài: 45,5 cm, phần lưỡi dài 25 cm, phần cán bằng gỗ dài 20,5 cm).

+ Giao 5,674m³ gỗ còn lại tại hiện trường cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Truy thu số tiền 400.000 đồng (*bốn trăm ngàn*) đồng của bị cáo Hồ Quốc P để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Hồ Quốc P)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bắc Trà My;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại